TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-3-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hồ Thị Thanh Loan**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Vạn**
2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Ngọc Hải** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông **Nguyễn Văn Lân** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 384/2016/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2016 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trang Văn P**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: K6/22, ấp L, xã M, huyện N, Thành phố P

2. Bị đơn: Bà **Bùi Ngọc Y**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: K6/22, ấp L, xã M, huyện N, Thành phố P

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Trang Văn P (nguyên đơn) trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: ông P và bà **Y** chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 176/ĐKTH, quyển số 01/1995 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/8/1995. Vợ chồng mâu

thuẫn từ năm 2001, nguyên nhân mâu thuẫn là do không cùng quan điểm sống, ông P không còn tình cảm với bà **Y**, cả hai không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay ông P thấy cuộc sống hôn nhân không đạt được, ông P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: có 03 con chung tên Trang Tuyết M, sinh năm 1993 (đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết), Trang Điền Thế S, sinh năm 1994 (đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết), Trang Điền Thanh T, sinh ngày 22/7/2000.

Hiện nay con Trang Điền Thanh T, sinh ngày 22/7/2000 đang ở với bà **Y**.

Ông P yêu cầu bà **Y** trực tiếp nuôi con chung Trang Điền Thanh T, sinh ngày 22/7/2000 đến trưởng thành, ông P cấp dưỡng nuôi con Trang Điền Thanh T mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà **Bùi Ngọc Y** (bị đơn) vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trang Văn P (nguyên đơn) khởi kiện xin ly hôn với Bà Bùi Ngọc Y (bị đơn), đây là tranh chấp về ly hôn. Bà Bùi Ngọc Y (bị đơn) cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Bùi Ngọc Y (bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt. Ông Trang Văn P (nguyên đơn) có đơn xin vắng tại tòa. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bà Bùi Ngọc Y (bị đơn) và Ông Trang Văn P (nguyên đơn).

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trang Văn P với Bà Bùi Ngọc Y có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 176/ĐKTH, quyển số 01/1995 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/8/1995. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa Ông Trang Văn P với Bà Bùi Ngọc Y là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Theo Ông Trang Văn P xác định: Ông Trang Văn P với Bà Bùi Ngọc Y mâu thuẫn từ năm 2001, nguyên nhân mâu thuẫn là do không cùng quan điểm sống, ông P không còn tình cảm với bà **Y**, cả hai không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay ông P thấy cuộc sống hôn nhân không đạt được, ông P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

[5] Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải giữa Ông Trang Văn P với Bà Bùi Ngọc Y, nhưng bà **Y** vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

[6] Theo Phiếu tham khảo ý kiến ngày 12/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Ủy ban nhân dân xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh trả lời kết quả xác minh như sau:

"*Về vấn đề của ông Trang Văn P và bà Bùi Ngọc Y, UBND xã không nắm rõ*"

[7] Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định: *"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".*

[8] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Trang Văn P về việc yêu cầu ly hôn với Bà Bùi Ngọc Y.

[9] Về con chung: có 03 con chung tên Trang Tuyết M, sinh năm 1993 (đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết), Trang Điền Thế S, sinh năm 1994 (đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết), Trang Điền Thanh T, sinh ngày 22/7/2000.

Xét quyền lợi về mọi mặt của trẻ Trang Điền Thanh Toàn, sinh ngày 22/7/2000, hiện nay con Trang Điền Thanh Toàn đang ở với bà Y. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ông Trang Văn P về việc yêu cầu Y trực tiếp nuôi con chung Trang Điền Thanh T, sinh ngày 22/7/2000 đến trưởng thành, ghi nhận việc ông P cấp dưỡng nuôi con Trang Điền Thanh Toàn mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

[10] Về tài sản chung: Ông P xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[11] Về nợ chung: Ông P xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trang Văn P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con theo Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà Ông Trang Văn P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2011/03525 ngày 22/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông Trang Văn P còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết,

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Trang Văn P về việc yêu cầu ly hôn với Bà Bùi Ngọc Y.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trang Văn P được ly hôn với Bà Bùi Ngọc Y.

Giấy chứng nhận kết hôn số 176/ĐKTH, quyển số 01/1995 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/8/1995 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: có 03 con chung tên Trang Tuyết M, sinh năm 1993 (đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết), Trang Điền Thế S, sinh năm 1994 (đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết), Trang Điền Thanh T, sinh ngày 22/7/2000.

Giao con Trang Điền Thanh T cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, ông P cấp dưỡng nuôi con Trang Điền Thanh T mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày 01 tây hàng tháng kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án thì đương sự có nghĩa vụ thanh toán chậm thanh toán còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích con chung, sau này các đương sự đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ông Phát xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

1.4. Về nợ chung: Ông Phát xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trang Văn P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà Ông Trang Văn P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2011/03525 ngày 22/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông Trang Văn P còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Thị Thanh Loan